TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST Ngày: 08-9-2022 *V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhị

Ông D Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông D Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thái D kết hôn vào ngày 31/3/2015, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống và làm việc tại thành phố Hà Nội. Anh D làm bên Công ty TNHH thiết bị P, chị Q làm công nhân cho hãng nước giải khát C. Năm 2016 chị Q chuyển về nhà mẹ anh D tại tổ dân phố 01, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để sinh con. Cũng từ năm 2016 chị

Q chuyển hẳn về thành phố H sinh sống và làm việc. Chị Q xin làm nhân viên thu cước điện thoại VNPT Hà Tĩnh. Sau khi sinh con được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 8 năm 2019, chị Q cùng con ra thuê phòng trọ ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cải cọ, xúc phạm nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là tính cách, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung, sống thiếu quan tâm, chia sẻ những khó khăn, vất vả trong cuộc sống. Mặc dù, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên chị Phạm Thị Q xin được ly hôn với anh Nguyễn Thái D.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/11/2016. Do con còn nhỏ và thường xuyên sinh sống với chị Q nên chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Quyết. Tại đơn khởi kiện chị Q yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/6/2022 và tại phiên tòa chị Q yêu cầu anh Nguyễn Thái D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày 08/9/2022.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải bị đơn anh Nguyễn Thái D trình bày:

Anh D thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Anh D thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau, nhiều vấn đề không có tiếng nói chung, chưa thấu hiểu. Một phần là do nhu cầu nhà cửa của vợ chồng chưa có, vợ chồng đang sống chung với mẹ chồng nên giữa mẹ chồng và chị Q không hòa hợp. Hiện chị Q, cùng con đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống. Do tình cảm của anh D với chị Q vẫn còn, nên anh D có nguyện vọng là được đoàn tụ gia đình, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/11/2016. Nếu ly hôn anh D đồng ý giao con cho chị Phạm Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh D đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Q là mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có bản tự khai, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Thái D đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Thái D; Về con: Giao con chung tên là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/11/2016 cho chị Phạm Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thái D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; Về tài sản, nợ chung: chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Thái D không yêu cầu nên miễn xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Q khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Thái D nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung". Anh Nguyễn Thái D hiện trú tại tổ dân phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thái D vắng mặt tại phiên hòa giải lần 2 và vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thành phố H, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thái D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Thái D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Phạm Thị Q nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q xin được ly hôn. Anh Nguyễn Thái D thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng có xảy ra mâu thuẫn do công việc ở xa nên anh D ít có thời gian gần gủi, quan tâm vợ và con. Hiện chị Phạm Thị Q, cùng con đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ để sinh sống. Tuy nhiên, anh D đang còn tình cảm với chị Q, nguyện vọng của anh D là vợ chồng về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình chung sống chị Q, anh D đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn như cải cọ, xúc phạm nhau, không có tiếng nói chung, thiếu quan tâm, chia sẻ những khó khăn, vất vả trong cuộc sống. Mặc dù, đã được gia đình, bạn bè hai bên khuyên giải song không có kết quả. Hiện chị Q, cùng con đã bỏ ra ngoài thuê phòng trọ

để sinh sống. Vợ chồng cũng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Q, anh Nguyễn Thái D đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Thái D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Chị Phạm Thị Q, anh Nguyễn Thái D đều thừa nhận vợ chồng có 1 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/11/2016. Chị Phạm Thị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Thái D cũng đồng ý giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy: chị Q hiện có chổ ở ổn định, con từ nhỏ chủ yếu sống với chị, được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Bản thân anh Nguyễn Thái D công việc ở xa, ít có thời gian để chăm sóc con, con còn nhỏ. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Phạm Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Q yêu cầu anh Nguyễn Thái D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thái D cũng đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Minh Quyết mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Minh Q của chị Phạm Thị Q, anh Nguyễn Thái D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên cần được ghi nhận. Anh Nguyễn Thái D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Q, anh Nguyễn Thái D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Phạm Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Thái D phải chịu 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1

khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; ***xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Thái D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 13/11/2016 cho chị Phạm Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thái D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày 08/9/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Nguyễn Thái D không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Thái D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Q, anh Nguyễn Thái D không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001065 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Thái D phải chịu 150.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Long Sơn, thị xã Thái Hòa, Nghệ An;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng